

Bản án số: 34/2024/HNGĐ- ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2024
“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích, ông Phùng Văn Thị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Ngô Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Anh Đàm Xuân N- sinh năm 1991

Trú tại: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Chị Thạch Thị Xuân M- sinh năm 1999

Trú tại: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là anh Đàm Xuân N trình bày:

Anh và chị Thạch Thị Xuân M đăng ký kết hôn ngày 27/9/2019 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Việc kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng anh ở cùng mẹ đẻ anh tại thị trấn T một thời gian, sau đó vào Nghệ An để làm ăn. Thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, đến khoảng tháng 6/2023 anh thấy chị M có biểu hiện khác lạ. Sau khi tìm hiểu, anh phát hiện chị M có quan hệ ngoại tình. Khi đó anh quyết định vợ chồng đưa con quay về thị trấn T ở

với mẹ anh. Anh đã cố gắng khuyên bảo vợ để duy trì hôn nhân nhưng không được. Chị M đã bỏ đi từ tháng 7/2023. Thời gian gần đây, chị M thỉnh thoảng có về thăm con, nói là đang làm ở Hà Nội, nhưng không nói làm gì, ở địa chỉ cụ thể nào. Nay anh xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị M được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Thạch Thị Xuân M có 01 con chung là Đàm Bảo H, sinh ngày 20/5/2020, hiện đang ở cùng anh và mẹ đẻ anh tại khu 5, thị trấn T. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Thạch Thị Xuân M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không lần nào đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án không thu thập được lời khai của chị M và cũng không tiến hành hòa giải được.

* Xác minh tại địa phương nơi anh Đàm Xuân N và chị Thạch Thị Xuân M cư trú, Trưởng khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ và đại diện chính quyền địa phương thị trấn T cung cấp như sau:

Anh Đàm Xuân N và chị Thạch Thị Xuân M đăng ký kết hôn ngày 27/9/2019 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ và có 01 con chung là Đàm Bảo Hân, sinh ngày 20/5/2020. Sau khi kết hôn, anh N và chị M đều đăng ý hộ khẩu thường trú tại thị trấn T, sau đó chuyển đến tạm trú tại phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An để làm ăn. Quá trình chung sống, anh N và chị M xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được, nhưng cách đây hơn 01 năm vợ chồng anh N đưa con về địa phương, gửi mẹ đẻ anh N chăm sóc, thỉnh thoảng anh N, chị M về thăm con 1, 2 ngày rồi lại đi. Nay anh N yêu cầu ly hôn chị M và yêu cầu được nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử lý cho anh Đàm Xuân N và chị Thạch Thị Xuân M được ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Đàm Bảo H, sinh ngày 20/5/2020 cho anh Đàm Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Thạch Thị Xuân M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N tự nguyện không yêu cầu.
- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Do anh Đàm Xuân N trình bày không có nên không giải quyết. Nếu sau này chị Thạch Thị Xuân M có yêu cầu, sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đàm Xuân N phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Anh Đàm Xuân N có đơn xin ly hôn chị Thạch Thị Xuân M. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đàm Xuân N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Thạch Thị Xuân M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không lần nào có mặt để làm việc, Tòa án đã triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị M vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đàm Xuân N và chị Thạch Thị Xuân M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn ngày 27/9/2019, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị M được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh N trình bày và kết quả xác minh tại địa phương nơi anh N, chị M cư trú thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không tin tưởng nhau; chị M và anh N đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị M và anh N đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn

của anh N là chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Thạch Thị Xuân M và anh Đàm Xuân N có 01 con chung là Đàm Bảo H sinh ngày 20/5/2020, hiện đang ở cùng anh N và mẹ đẻ anh N tại khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Do hiện nay chị M không có mặt tại địa phương, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Không cần buộc chị M cấp dưỡng nuôi con do anh N tự nguyện không yêu cầu.

[4]. Anh Đàm Xuân N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này chị Thạch Thị Xuân M chứng minh vợ chồng có tài sản chung, vay nợ chung và yêu cầu phân chia, sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là anh Đàm Xuân N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho anh Đàm Xuân N và chị Thạch Thị Xuân M được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho anh Đàm Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đàm Bảo Hân, sinh ngày 20/5/2020. Chị Thạch Thị Xuân M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Do anh Đàm Xuân N trình bày không có nên không giải quyết. Nếu sau này chị Thạch Thị Xuân M có yêu cầu, sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đàm Xuân N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0001937, ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh N đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Thanh Ba;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Vũ Thị Minh Hòa